

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai



DONAPLAST

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Lưu hành nội bộ
Đồng Nai – 4/2014

Đồng Nai, ngày 11 tháng 4 năm 2014

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Việt Nam ngày 29/11/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được sửa đổi lần 3 ngày 4/5/2013.

Để Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, đạt được thành công tốt đẹp, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua “Quy chế tổ chức và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014” với các nội dung chính như sau:

Điều 1. Nhiệm vụ của Đại hội

- Biểu quyết thông qua Quy chế Tổ chức và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình Đại hội; thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2013 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013. Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013; và các tờ trình khác.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014; Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2014; Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2014; Tờ trình về mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2014; và các tờ trình khác;
- Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội, Biên bản Đại hội.

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 10/4/2014 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

1. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận **Phiếu biểu quyết và Phiếu Thảo luận** trong đó có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông.
2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội sử dụng mẫu ủy quyền do công ty cấp, không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

Điều 3. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HĐQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 4. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết thông qua; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội;

Điều 5. Ban Kiểm tra Tư cách Đại biểu

1. Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu
 - Thẩm tra tư cách cổ đông và đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu phải lập Biên bản kiểm tra tư cách Đại biểu, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 6. Ban Kiểm Phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
- Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Đại hội cần nhiều thời gian thảo luận hơn dự kiến thì Đoàn Chủ tịch sẽ có thẩm quyền quyết định vấn đề này.
- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu Thảo luận đã được phát và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu Thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay và phải tuân thủ các quy định sau:
 - o Được sự chấp thuận của Chủ tọa;
 - o Phải nêu tên và mã số biểu quyết trước khi phát biểu;
 - o Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội;
 - o Nội dung phát biểu phải mang tính xây dựng và phát triển Công ty;

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu Thảo luận của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội Đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông (người được ủy quyền) tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự). Mỗi Cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 như sau:
 - **Biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết:** Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại đại hội; Thành phần Chủ tịch đoàn; Ban thư ký; Ban kiểm phiếu; thông qua Nghị quyết đại hội và Biên bản đại hội.
 - **Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết:** hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: các nội dung tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trình Đại hội biểu quyết liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, kế hoạch 2014; biểu quyết thông qua các nội dung khác tại đại hội;

2. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông /hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Cổ đông chú ý ký tên vào Phiếu biểu quyết.
- Cổ đông hoặc người được đại diện theo ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **Đồng ý, Không đồng ý hoặc Không ý kiến** một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách **giơ cao Phiếu biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Điểm 7 khoản 1.**
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền **không giơ Phiếu biểu quyết trong cả ba lần** biểu quyết *đồng ý* và *không đồng ý* hoặc *không ý kiến* của một vấn đề thì được xem như là **không ý kiến** vấn đề đó. Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền **giơ cao Phiếu biểu quyết trong cả ba lần** biểu quyết *đồng ý, không đồng ý* hoặc *không ý kiến* của một vấn đề thì được xem như **biểu quyết không ý kiến**. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Phiếu biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

- 3.1. Cú 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết.
- 3.2. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 75% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

Điều 9. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký lập, đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 10. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội này được trình bày trước Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và được thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2014 của Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai thông qua và chấm dứt hiệu lực sau khi kết thúc Đại hội.

Thay mặt Ban Tổ chức trình Đại hội cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

TM. Ban Tổ Chức Đại Hội

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Lưu Thụy

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2014 CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
8:00–8:30	Đón khách, đăng ký đại biểu, phát tài liệu.	Ban Tổ Chức
8:30–8:35	Khai mạc Đại hội Thông qua Chương trình Đại Hội Thông qua Quy chế Tổ chức và Biểu quyết tại Đại hội Giới thiệu Chủ tịch Đoàn, Thư ký Đoàn, Ban kiểm phiếu	Dẫn chương trình
8:35–8:40	Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự đại hội	Ban kiểm tra tư cách Đại biểu
8:40–9:15	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về tình hình hoạt động SXKD năm 2013, Báo cáo Tài chính năm 2013, Kế hoạch SXKD năm 2014.	Tổng Giám Đốc
9:15–9:25	Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị năm 2013	Chủ tịch HĐQT
9:25–9:30	Báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2013	Trưởng BKS
9:30–9:35	Trình bày các nội dung thông qua trong đại hội 1. Thông qua Báo cáo Ban TGD năm 2013, kế hoạch năm 2014 2. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2013 3. Thông qua Báo cáo HĐQT năm 2013, kế hoạch năm 2014 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2013, kế hoạch kiểm soát năm 2014 5. Thông qua các tờ trình với nội dung như sau: 5.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2013 5.2. Phương án Sản xuất Kinh doanh năm 2014 5.3. Thù lao HĐQT và BKS năm 2013 5.4. Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 5.5. Ủy quyền cho HĐQT chọn Công ty Kiểm toán.	Tổng Giám Đốc
9:35–10:00	Thảo luận ý kiến Cổ đông	Tổng Giám Đốc
10:00–10:10	Biểu quyết thông qua nội dung tờ trình của HĐQT	Tổng Giám Đốc
10:10–10:30	Nghỉ giải lao	
10:30–10:35	Kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết	Ban kiểm phiếu
10:35–10:45	Thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông 2014	Thư ký đại hội

**CHỦ TỊCH ĐOÀN, THƯ KÝ ĐOÀN,
BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU, BAN KIỂM PHIẾU
TẠI PHIÊN HỌP ĐHCĐ NĂM 2014**

I. CHỦ TỊCH ĐOÀN

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Lưu Thụy | Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa |
| 2. Ông Trần Hữu Chuyên | Tổng Giám Đốc |
| 3. Ông Mai Hữu Đạt | Trưởng Ban Kiểm Soát |

II. THƯ KÝ ĐOÀN

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1. Ông Trịnh Kiên | Trưởng Ban Thư Ký |
| 2. Bà Lương Thị Hương | Thư ký |

III. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

- | | |
|---------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu | Trưởng Ban Kiểm Phiếu |
| 2. Bà Ngô Thị Phương Châu | Thành viên |

IV. BAN KIỂM PHIẾU

- | | |
|---------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Trịnh Trung | Trưởng Ban Kiểm Phiếu |
| 2. Bà Phan Thị Thanh Bình | Thành viên |

V. BAN HẬU CẦN, KỸ THUẬT

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| 1. Bà Đàm Thị Mối | Trưởng Ban Hậu Cần |
| 2. Bà Lê Thị Hồng Ánh | Thành viên |
| 3. Không Hữu Hải | Kỹ thuật |

BÁO CÁO

TỔNG KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM NĂM 2014

PHẦN 1: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2013

1. Đặc điểm tình hình

Nền kinh tế thế giới năm 2013 tiếp tục gặp nhiều bất ổn do khủng hoảng tài chính kéo dài từ năm 2012 và phục hồi tăng trưởng rất chậm do một số nền kinh tế đầu tàu như Mỹ tăng trưởng 1,7%, khu vực châu Âu tăng trưởng -0,6% theo tổ chức Standard & Poor. Nền kinh tế Asean và Châu Á có khả quan hơn, là nơi kinh tế phát triển năng động nhất với tăng trưởng 6,6% cao hơn so với năm 2012 là 5,75%. Tình hình khó khăn tài chính nhìn chung đỡ khó khăn hơn so với năm 2012. Tuy nhiên khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công châu Âu vẫn sẽ tiếp tục trong năm 2014 do các biến động về tình hình chính trị châu Âu.

Nền kinh tế Việt Nam nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động khu vực Đông Nam Á, tăng trưởng năm 2013 của Việt Nam là 5,42%. Nền kinh tế tương đối ổn định. Ngành xây dựng cấp thoát nước chủ yếu dựa vào các chương trình nước sạch quốc gia đến năm 2020 thông qua các dự án được tài trợ bởi các nguồn vốn nước ngoài như ODA, ADB, WB... Ngoài ra nhà nước đã chủ động ban hành một số chính sách kích cầu cho thị trường bất động sản phục hồi trong năm 2013 và nền tảng tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Năm 2013, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng gặp rất nhiều khó khăn tuy nhiên DNP cũng đã thực hiện hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ HT (%)
1. Doanh thu	Tỷ đồng	400	387	305,98	96,75
2. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10	11,7	8,24	117,0
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		3426	2.323	

2.2. Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh

2.2.1. Những kết quả đạt được

Năm 2013 là năm thuận lợi hơn so với năm 2012, cụ thể lãi vay giảm đáng kể, chính sách đầu tư công các công trình dự án cấp thoát nước được chính phủ đẩy mạnh cho chiến lược cấp thoát nước sạch quốc gia đến năm 2020. Bên cạnh đó bằng sự chỉ đạo của HĐQT, sự điều hành sáng tạo của Ban TGD, Cán bộ Công nhân viên đã thực hiện thành công kế hoạch năm 2013 do Đại hội Cổ đông 2013 giao cho HĐQT.

Những số liệu cụ thể mà công ty đã đạt được trong năm qua đó là:

- Doanh thu đạt 96,75% kế hoạch (387 tỷ / 400 tỷ).
- Lợi nhuận đạt 117% kế hoạch (11,7 tỷ / 10 tỷ).
- Thu nhập người lao động bình quân tăng 4,2 % so với kế hoạch (5,0/4,8 triệu đồng / người / tháng).

Doanh thu năm 2013 tăng so với năm 2012 là do sản lượng của xí nghiệp bao bì đã tăng trưởng ấn tượng cụ thể 6 tháng cuối năm. Trong đó việc đầu tư nhà xưởng bao bì 2 giúp công suất nhà máy sản xuất túi bao bì lên 1000 tấn / tháng. Đây được đánh giá sự trưởng thành vượt bậc của sản phẩm bao bì sau 7 năm đầu tư phát triển kể từ năm 2006.

Trong năm 2013 mặc dù lãi suất vay giảm, tuy nhiên công ty cũng gặp nhiều khó khăn về tìm nguồn vốn vay từ ngân hàng, chính sách giá bán ngày càng cạnh tranh, công ty cũng đã tự cải tiến được hệ thống máy móc giúp nâng cao được năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao tay nghề của người công nhân.

Để đạt được những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, Ban Tổng giám đốc Công ty đã kịp thời nắm bắt thông tin thị trường đồng thời tập trung trí tuệ và năng lực của cán bộ quản lý trong Công ty để đưa ra giải pháp làm góp phần quan trọng cho việc hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông 2013 đã đề ra. Những nguyên nhân chủ yếu đảm bảo cho kết quả trên là:

- Chủ động được nguồn nguyên liệu kịp thời cho các đơn hàng sản xuất.
- Phòng kinh doanh đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ miền Bắc và miền Trung
- Tiết kiệm tối đa các loại chi phí thông qua các biện pháp về kỹ thuật, công nghệ để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tạo được sự đồng thuận trong nội bộ công ty trong nỗ lực thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất và chia sẻ những khó khăn về kỹ thuật, tài chính.
- Tăng cường công tác kiểm soát giá đầu vào chặt chẽ giúp cho giá vốn đầu vào của các sản phẩm được tốt hơn tạo nền tảng cho việc đàm phán giá tốt hơn, tăng cường năng lực cạnh tranh so với đối thủ.

2.2.2. Những điểm cần khắc phục trong điều hành SXKD năm 2014

- Công tác kinh doanh chưa tạo được đột phá trong tổ chức hoặc phương thức bán hàng vì vậy chưa đẩy được sản lượng tiêu thụ trong khi mức đầu tư cho sản xuất ồng tăng lên nhiều trong ba năm qua.

- Lao động phổ thông biến động liên tục do tâm lý nhảy việc, nghỉ việc về quê, nghỉ việc do hết tuổi lao động dẫn đến ảnh hưởng tới sản lượng và năng suất do đó cần có chính sách thu hút và giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

- Chất lượng sản phẩm chưa ổn định, phải kiểm soát tốt từ nguyên liệu đầu vào tới sản phẩm đầu ra và chăm sóc dịch vụ sau bán hàng tốt hơn giúp duy trì mối quan hệ khách hàng.

- Nguồn cung cấp nguyên liệu bị hạn chế và còn chủ quan trong khâu nhập nguyên liệu. Do đó cần phải chủ động đa dạng hóa các nguồn cung cấp mới để duy trì sự ổn định xuyên suốt trong sản xuất.

- Việc tăng quy mô doanh năm sau cao hơn năm trước dẫn đến nhu cầu về vốn ngày càng lớn trong đó vốn lưu động cần mở rộng. Vì vậy việc BGD đề nghị ĐHCĐ xem xét việc tăng vốn điều lệ giúp công ty cải thiện về thanh khoản.

3. Báo cáo tài chính

3.1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		198,696,000,899	165,878,252,997
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7,616,394,479	3,924,102,287
1. Tiền	111		7,616,394,479	3,924,102,287
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		109,726,249,017	85,425,491,648
1. Phải thu của khách hàng	131		95,324,265,818	82,205,699,733
2. Trả trước cho người bán	132		14,514,342,321	8,325,047,716
3. Các khoản phải thu khác	138	V.02	6,668,117,690	1,430,733,881
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(6,780,476,812)	(6,535,989,682)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	68,737,761,681	72,128,267,641
1. Hàng tồn kho	141		68,737,761,681	73,253,570,193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(1,125,302,552)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,615,595,722	4,400,391,421
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		321,515,277	13,416,724
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,924,378,449	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	89,937,843	1,126,413,654
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	7,279,764,153	3,260,561,043
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83,819,285,729	76,321,240,463
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		80,128,441,568	73,274,845,543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	52,830,054,633	60,001,106,386
- Nguyên giá	222		126,563,033,047	118,061,535,790
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(73,732,978,414)	(58,060,429,404)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	23,624,543,983	8,226,647,223
- Nguyên giá	225		27,003,929,600	15,381,758,550
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(3,379,385,617)	(7,155,111,327)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2,818,564,091	
- Nguyên giá	228		2,818,564,091	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	855,278,861	5,047,091,934
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,603,769,936	3,046,394,920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1,518,221,580	1,102,097,225
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	38,610,816	85,027,421
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	2,046,937,540	1,859,270,274
VI. Lợi thế thương mại	269	V.13	87,074,225	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		282,515,286,628	242,199,493,460

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		192,135,007,824	154,684,876,389
I. Nợ ngắn hạn	310		176,321,355,268	141,728,029,407
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	132,044,818,782	109,178,090,973
2. Phải trả người bán	312		23,090,096,666	15,458,529,831
3. Người mua trả tiền trước	313		6,809,301,616	5,710,064,342
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	6,989,981,215	7,204,150,461
5. Phải trả công nhân viên	315		4,447,878,796	2,098,661,420
6. Chi phí phải trả	316	V.16	789,739,083	2,850,023,546
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	3,734,254,605	1,297,484,003
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1,584,715,495)	(2,068,975,169)
II. Nợ dài hạn	330		15,813,652,556	12,956,846,982
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			89,792,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	15,813,652,556	12,867,054,982
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90,102,905,311	84,154,333,496
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	90,102,905,311	84,154,333,496
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34,276,370,000	34,276,370,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26,720,892,735	26,720,892,735
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,441,908,340	1,441,908,340
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(427,842,000)	(427,842,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12,868,028,625	9,610,422,199
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,630,102,063	2,250,740,284
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12,593,445,548	10,281,841,938
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.20	277,373,493	3,360,283,575
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		282,515,286,628	242,199,493,460

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.21	389,685,108,417	305,979,407,085
2. Các khoản giảm trừ	02	V.22	2,664,222,982	970,000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.23	387,020,885,435	305,978,437,085
4. Giá vốn hàng bán	11	V.24	329,826,180,219	258,600,298,194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57,194,705,216	47,378,138,891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.25	1,399,165,217	2,846,696,732
7. Chi phí tài chính	22	V.26	13,062,963,727	17,465,947,065
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,414,432,116	10,757,841,824
8. Chi phí bán hàng	24		14,015,283,079	8,358,944,825
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17,717,313,454	16,374,164,346
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,798,310,173	8,025,779,387
11. Thu nhập khác	31	V.27	640,017,908	5,655,676,954
12. Chi phí khác	32	V.28	427,164,004	4,775,378,042
13. Lợi nhuận khác	40		212,853,904	880,298,912
14. Lãi (lỗ) trong Công ty liên doanh liên kết	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,011,164,077	8,906,078,299
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.29	2,242,065,615	729,431,704
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.30	46,416,605	(66,440,361)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11,722,681,857	8,243,086,956
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		23,420,664	310,781,306
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		11,699,261,193	7,932,305,650
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.31	3,426	2,323

3.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,011,164,077	8,906,078,299
2. Điều chỉnh cho các khoản			23,886,867,496	28,619,954,042
+ Khấu hao tài sản cố định	02		13,332,354,465	14,693,352,186
+ Các khoản dự phòng	03		(880,815,422)	4,089,360,635
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1,361,297,076	112,189,638
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05		(340,400,739)	(1,032,790,241)
+ Chi phí lãi vay	06		10,414,432,116	10,757,841,824
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	08		37,898,031,573	37,526,032,341
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(25,087,177,431)	(9,117,210,070)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		4,515,808,512	(13,953,022,226)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		6,822,914,679	(4,800,036,459)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1,109,121,862)	190,253,367
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10,326,427,333)	(10,757,841,824)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,464,039,202)	(1,827,805,817)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		670,371,853	8,310,209,311
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8,104,041,314)	(1,109,744,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		3,816,319,475	4,460,834,123
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21,921,153,100)	(6,524,972,701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9,088,159,219)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6,559,500,724	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		804,995,198	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23,644,816,397)	(6,524,972,701)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		373,702,831,166	272,995,679,241
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(329,366,589,576)	(272,221,420,511)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(18,697,587,586)	(2,223,560,206)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,952,958,330)	(5,651,709,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		23,685,695,674	(7,101,010,676)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3,857,198,752	(9,165,149,254)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3,924,102,287	13,204,470,739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(164,906,560)	(115,219,198)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7,616,394,479	3,924,102,287

3.5. Các công ty có liên quan

3.5.1. Thông tin về công ty liên quan

Công ty con: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung

Thành lập: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3303070169 ngày 27 /12/ 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp và thay đổi lần thứ 2 vào ngày 26/12/2007.

Trụ sở: Lô 06, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc – Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh.

- Sản xuất kinh doanh ống nhựa và các sản phẩm nhựa PVC và HDPE.
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt các tuyến đường ống thoát nước, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi.
- Sản xuất kinh doanh nệm mousse xốp, nệm lò xo và moussee dân dụng, công nghiệp.
- Sản xuất bao bì nhựa, bạt PP và các sản phẩm nhựa dân dụng, công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ theo vốn góp thực tế là: 83,1%.

3.5.2. Tóm tắt báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai miền trung năm 2013

Năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung đã hoàn thành nhiệm vụ vượt mức đề ra. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 52,61 tỷ đạt 128,91% so với năm 2013 là 40,81 tỷ. Đây là kết quả tăng doanh số vượt bậc trong nền kinh tế khó khăn..
- Lợi nhuận trước sau thuế đạt 1,83 tỷ đạt 99,46% so với năm 2013 là 1,84 tỷ.

3.6. Báo cáo kiểm toán

Năm 2013 Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC được chọn là công ty Kiểm toán của Công ty CP Nhựa Đồng nai.

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC, đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được lập ngày 21/03/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

4. Đánh giá tình hình tài chính năm 2013

4.1. Các chỉ số tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Chênh lệch	Tăng giảm (%)
I	Cấu trúc tài sản, nguồn vốn				
1	Cấu trúc tài sản				
	Tổng giá trị tài sản	282,515,286,628	242,199,493,459	40,315,793,169	116.65%
	Tài sản ngắn hạn	198,696,000,899	165,878,252,996	32,817,747,903	119.78%
	Tài sản dài hạn	83,819,285,729	76,321,240,463	7,498,045,266	109.82%
2	Cấu trúc nguồn vốn				
	Nợ phải trả	192,412,381,317	158,045,159,962	34,367,221,355	121.75%
	Vốn chủ sở hữu	90,102,905,311	84,154,333,497	5,948,571,814	107.07%
II	Khả năng sinh lời				
	Doanh thu thuần	387,020,885,435	305,978,437,085	81,042,448,350	126.49%
	Lợi nhuận trước thuế	14,011,164,077	8,906,078,298	5,105,085,779	157.32%
	Lợi nhuận sau thuế	11,722,681,857	8,243,086,955	3,479,594,902	142.21%
	Tỷ suất lợi nhuận gộp	14.78%	15.48%		95.44%
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	3.62%	2.91%		124.38%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	3.03%	2.69%		112.43%
III	Tính thanh khoản				
	Hệ số thanh toán hiện hành	1.13	1.17		96.28%
	Hệ số thanh toán nhanh	0.74	0.66		111.43%
	Nợ khó đòi	6,780,476,812	6,535,989,682	244,487,130	103.74%
	Vòng quay hàng tồn kho	4.68	3.94		118.95%
	Số ngày tồn kho bình quân	78	93		84.07%
	Số ngày thu tiền	84	93		90.03%
	Số ngày trả tiền	26	22		117.12%
	Kỳ luân chuyển tiền mặt	136	164		83.05%
IV	Chỉ tiêu khác				
	Vòng quay tổng tài sản	1.48	1.27		116.50%
	Suất sinh lợi của VCSH	0.13	0.10		136.92%
	Nợ trên tổng tài sản	0.68	0.64		106.49%
	Nợ trên vốn chủ sở hữu	2.14	1.84		116.06%
	Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	10%		160.00%

4.2. Phân tích chỉ số tài chính

4.2.1. Cấu trúc tài chính công ty

+ Cơ cấu tài sản:

Kết thúc năm 2013 công ty có Tổng tài sản 282,5 tỷ tăng 40,3 tỷ so với năm 2012. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 32,8 tỷ và tài sản dài hạn tăng 7,5 tỷ. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2013 bằng 70,3% tổng tài sản, tăng hơn 1,8 % so với năm 2012.

Nguyên nhân làm cho tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do công ty tăng trưởng doanh thu ổng nợ làm cho Khoản phải thu từ khách hàng tăng lên 13,1 tỷ, khoản thu khác tăng 5,1 tỷ và khoản thuế GTGT khấu trừ gần 5 tỷ đồng (khoản thuế này được nhà nước hoàn lại vào tháng 01/2014).

+ Cơ cấu nguồn vốn:

Năm 2013, nợ phải trả chiếm 68% tổng nguồn vốn, tăng 32,8 tỷ so với năm 2012. Phần tăng chủ yếu do các khoản nợ ngắn hạn tăng (trong đó yếu tố tăng mạnh nhất là vay nợ ngắn hạn tăng 23 tỷ). Vốn chủ sở hữu đạt 90,1 tỷ năm 2013 chiếm 32% trong tổng nguồn vốn. Chỉ tiêu này cũng tăng gần 6 tỷ so với năm 2012 .

4.2.2. Đánh giá hiệu quả kinh doanh

Năm 2013 vẫn là năm được nhận định là tiếp tục còn khó khăn. Nhưng với quyết tâm hoàn thành kế hoạch của Ban Giám Đốc, kết quả doanh thu tăng 81 tỷ so với cùng kỳ, đạt 97% kế hoạch doanh thu đề ra. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu đạt 14,78% giảm 0,6% so với năm 2012, lợi nhuận trước thuế đạt 3,62% tăng 24% năm 2012 (đó là do Ban Giám Đốc thắt chặt chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý bằng rất nhiều biện pháp). Từ đó làm cho lợi nhuận sau thuế đạt 11,7 tỷ vượt 1,7 tỷ so với kế hoạch.

4.2.3. Đánh giá tính thanh khoản và sự tăng trưởng

Năm 2013, tính thanh khoản nhanh của công ty tốt hơn năm 2012. Cụ thể: số ngày tồn kho giảm từ 93 ngày năm 2012 còn 78 ngày năm 2013. Khoản phải thu bình quân giảm thêm 9 ngày, tức ngày thu tiền bình quân công ty còn 78 ngày (tương đương 2,6 tháng). Trong khi số ngày nợ phải trả khách hàng bình quân tăng 4 ngày so với năm 2012. Tất cả yếu tố trên làm cho chu kỳ kinh doanh năm 2013 giảm 28 ngày so với năm 2012, tức là chu kỳ kinh doanh năm 2013 là 136 ngày .

Các chỉ tiêu khác như nợ trên vốn chủ sở hữu, trên tổng tài sản, vòng quay tổng tài sản, suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu năm 2013 khác biệt hơn năm 2012. Như nợ trên vốn chủ sở hữu là 2,14% , tăng 16% so với năm 2012. Đây luôn là điều trăn trở của Ban Giám Đốc công ty, vốn chủ sở hữu nhỏ, vay ngắn hạn nhiều làm cho tài chính lúc nào cũng căng thẳng. Doanh thu phải tăng, tăng trưởng phải có nhưng vốn thì hạn hẹp, điều đó đồng nghĩa với việc phải đi vay ngân hàng, các tổ chức tài chính để xoay vòng vốn, làm cho chi phí lãi phải trả /vốn chủ sở hữu bắt buộc phải tăng. Trước tình hình trên Ban Giám Đốc đã và đang tìm kiếm các đối tác, tổ chức tài chính giúp công ty cơ cấu vốn vay tài chính để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất.

PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
			2014	2013	%
A	B	C	1	2	3=1/2
I	Doanh thu	Tỷ đồng	628	389	161,4
II	Sản phẩm chủ yếu	Tấn	15.346	7.885	194,5
	1. Ống nhựa các loại	Tấn	6.614	4.318	153,2
	2. Bao bì	Tấn	8.732	3.567	244,8
	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	5,0	4,8	104,1
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	13.775	11.722	117,5
	Trong đó:				
	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	Tr. đồng	5.535	3.221	171,8
	Quỹ dự trữ tài chính (5%)	Tr. đồng	689	586	117,5
	Quỹ khen thưởng (10%)	Tr. đồng	1.378	1.172	117,5
	Thù lao HDQT và BKS (5%)	Tr. đồng	689	586	117,5
	Cổ tức (16%)	Tr. đồng	5.484	5.484	100%

2. Các giải pháp thực hiện trong năm 2014

2.1. Nguồn nhân lực

- Xây dựng định mức công việc, định mức lao động cho toàn thể CBCNV cho tất cả các bộ phận.
- Xây dựng chương trình tuyển dụng và đào tạo cho CBCNV mới đáp ứng theo từng khu vực Bắc, Trung, Nam theo hướng sử dụng người địa phương khu vực đó giúp hiểu rõ văn hóa địa phương.
- Xây dựng chính sách tuyển dụng lao động phổ thông theo hướng tạo được gắn bó lâu dài với công ty trên cơ sở tay nghề, mức độ cống hiến đảm bảo công nhân sống tốt với lương thông qua phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình ESOP.

2.2. Tài chính

- Nâng cao nghiệp vụ và trách nhiệm của bộ phận tài chính, kế toán nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý chi phí, quản lý giá thành, giá bán, công nợ. Thực hiện báo cáo quyết toán tháng, quý, năm nhanh chính xác, đúng thời gian quy định nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định của Ban Giám Đốc trước các biến động khó lường của thị trường hiện nay.
- Thực hiện việc đánh giá tín nhiệm khách hàng định kỳ nhằm thẩm định mức độ tín nhiệm của khách hàng qua việc kiểm soát hạn mức công nợ, mức tạm ứng, thời gian thu tiền theo từng hợp đồng nhằm tăng thanh khoản, giảm áp lực tài chính cho công ty.

2.3. Kinh doanh

- Phòng kinh doanh nhằm mở rộng thị trường từ mảng dự án sử dụng vốn ngân sách sang mảng dự án sử dụng vốn tư nhân cũng như liên kết với đối tác uy tín cung cấp các sản phẩm kèm theo đảm bảo chất lượng nâng cao uy tín của DNP.
- Xây dựng các chính sách bán hàng theo từng khu vực, đối tượng khách hàng, nhóm sản phẩm và chính sách chiết khấu bán hàng cho khách hàng và chính sách thưởng cho nhân viên kinh doanh tạo động lực bán hàng.

2.4. Công nghệ, Máy móc

- Khối Quản trị Chất lượng thực hiện việc áp dụng các công thức cải tiến giúp tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh dựa trên chất lượng và giá bán.
- Phòng Kỹ thuật chủ động trong công tác bảo trì sửa chữa máy móc, thiết bị đảm bảo sự sẵn sàng, giúp giảm thời gian dừng máy, giảm chi phí sửa chữa bảo trì toàn nhà máy. Hạn chế tốt đa việc hư hỏng bất thường trong quá trình vận hành.
- Khối Quản trị Chất lượng hỗ trợ về tài liệu về kỹ thuật lắp ống cho khách hàng đảm bảo việc lắp ống đúng kỹ thuật hạn chế rủi ro khi lắp ống công trình lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo đánh giá chất lượng dịch vụ.

2.5. Nguyên liệu

- Thực hiện việc mua nguyên phụ liệu tập trung, đảm bảo giá cạnh tranh so với thị trường trong việc mua với số lượng quy mô trên 1.000 tấn / tháng.
- Thực hiện việc đàm phán trực tiếp với nhà sản xuất các nguyên liệu chính đảm bảo các nhà sản xuất sẵn sàng việc cập hạn mức về số lượng cũng như hạn mức về thời gian thanh toán nhằm tăng chủ động trong việc đáp ứng tiến độ giao hàng đúng hạn.

2.6. Quản trị

- Ứng dụng hệ thống phần mềm Quản trị hợp nhất (AMIS) trong kiểm soát quy trình từ kinh doanh, mua hàng, sản xuất, đánh giá chất lượng, tính lương, báo cáo đảm bảo các số liệu khách quan và là cơ sở Ban Giám Đốc đưa ra các quyết định phù hợp.
- Cải tiến liên tục về hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2008 giúp cho các sản phẩm đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng sản phẩm và chất lượng quy trình.
- Xây dựng phong trào thi đua phát huy cải tiến, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi hy vọng với kế hoạch và các giải pháp đề nghị như trên, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng hoàn thành các mục tiêu HĐQT và BGD đề ra trong năm 2014.

Trân trọng cảm ơn Quý đại biểu đã lắng nghe.

Tổng Giám Đốc
(Đã ký, đóng dấu)
Trần Hữu Chuyên

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai kính trình Đại hội đồng Cổ đông báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2013 và Phương hướng hoạt động năm 2014

1. Cơ cấu tổ chức

Trong năm 2013, HĐQT nhiệm kỳ mới năm 2012-2017 và có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Lưu Thụy | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Vũ Đình Độ | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Lê Huy Phương | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Ngô Đức Vũ | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Trần Hữu Chuyền | Thành viên HĐQT |

2. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu các Cổ đông

Tổng số vốn điều lệ tính đến năm 2013 là 34.276.370.000 đồng.

Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai như sau:

Chi tiêu	VNĐ	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ Đông	Cơ cấu Cổ Đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng vốn điều lệ	34.276.370.000	100,00	638	24	614
Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết	2.062.500	60,17	5	0	5
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% có quyền biểu quyết	872.750	25,46	11	1	10
Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	492.387	14,37	622	23	599

3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2013

Các thành viên trong HĐQT đều có kinh nghiệm trong tài chính, pháp luật và lĩnh vực kinh doanh ngành cấp thoát nước và bao bì xuất khẩu và cùng tham gia điều hành trong Ban Tổng Giám Đốc vì vậy các chiến lược của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc luôn nhất quán.

HDQT đã tích cực chủ động giải quyết mọi vấn đề thuộc đúng thẩm quyền, các quyết định kịp thời, nắm bắt quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp ý kiến đối với Ban Tổng Giám Đốc các vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành Công ty.

HDQT đã tổ chức các cuộc họp nghiêm túc, dân chủ. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HDQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên HDQT, đảm bảo đúng theo Pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đảm bảo việc lưu trữ hồ sơ và thực hiện công bố thông tin kịp thời theo đúng quy định.

HDQT báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ HT (%)
1. Doanh thu	Tỷ đồng	400	387	305,98	96,75
2. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10	11,7	8,24	117,0

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014 đạt 96,75% so với kế hoạch và lợi nhuận đạt 117% so với kế hoạch. Kết quả này thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của Ban Tổng Giám Đốc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận 17%. Để đạt được kết quả HDQT chỉ đạo quyết liệt trong việc xây dựng tổ chức bộ máy, nhân sự hoạt động hợp lý, tối ưu các loại chi phí giúp giá vốn giảm, tăng lợi nhuận.

4. Kế hoạch hoạt động của HDQT trong năm 2014

HDQT căn cứ vào Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014 chỉ đạo Ban Tổng Giám Đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Đại hội Cổ đông đã đưa ra dựa trên các chỉ tiêu tài chính hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn, giảm tỷ lệ nợ xấu, cam kết thực hiện trả cổ tức và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông.

HDQT tiến hành tổ chức việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định HDQT, Ban Tổng Giám Đốc và công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh nhanh chóng, chính xác và minh bạch.

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Lưu Thụy

Số: 01/2014/BC-BKS

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT **Đối với hoạt động năm 2013 của Công ty.**

Kính thưa Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Căn cứ vào quy định của Luật doanh nghiệp, và Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2012 và xin báo cáo kết quả như sau:

1. Hoạt động giám sát Hội đồng quản trị trong việc quản lý Công ty

- Kể từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đến nay HĐQT có 03 cuộc họp. Các cuộc họp đều có sự tham gia của Ban giám đốc nhằm đưa ra những giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2013 đã thông qua. Đồng thời HĐQT cũng đã theo sát hoạt động của Công ty nhằm cùng Ban giám đốc tháo gỡ một số vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Cuộc họp ngày: 12/6/2013 HĐQT họp thông qua chức năng công tác tài chính của Cty: chức năng theo dõi/kiểm soát chi phí; chức năng thu hồi công nợ; đối ngoại NH và Cty cho thuê tài chính; Đồng thời bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Huyền làm GD tài chính kiêm kế toán trưởng.
 - Hội đồng quản trị đã yêu cầu Ban Tổng giám đốc thực hiện gửi công văn yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ DNP miền trung thực hiện mua thâu tóm cổ phần tại Công ty DNP Miền Trung. Kết quả: DNP mua 99,9% DNP Miền trung.
 - Ngày 03/8/2013 HĐQT họp kế hoạch 06 tháng cuối năm (Đầu tư cho phân xưởng bao bì, đầu tư 2 dây chuyền cho Miền Bắc; giảm chi phí; lập đề án tăng vốn; Chuẩn bị tài chính chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012.
 - Công ty vẫn còn nợ cổ tức của cổ đông như sau: 4% cổ tức năm 2012 và toàn bộ cổ tức năm 2013 chưa được thanh toán chi trả cổ đông.
- Vấn đề công bố thông tin: Công ty đã thực hiện công bố thông tin và chế độ báo cáo đúng quy định.

2. Hoạt động giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty

Nhìn chung, hoạt động của BGD trong năm 2013 đi sát với các chủ trương kế hoạch được ĐHĐCĐ 2013 thông qua và theo chỉ đạo của HĐQT. Công ty đã ban hành các quy định nội bộ, quy trình làm việc tương ứng để áp dụng trong việc điều hành, quản lý hoạt động của công ty. Ban kiểm soát cần lưu ý một nội dung sau: Công ty đã có quy trình bán hàng ngày 28/3/2013, quy trình bán hàng tương đối thuận tiện cho việc bán hàng tuy nhiên cần quy định chi tiết hơn về quy trình giao nhận hàng hóa và lập chứng từ giao nhận hàng hóa với khách hàng.

3. Hoạt động Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, được kiểm toán theo đúng quy định của Đại hội đồng cổ đông cũng như quy định của pháp luật. Ban kiểm soát đồng ý với nội dung báo cáo tài chính.

4. Hoạt động giám sát việc tuân thủ pháp luật của Công ty

- BKS không phát hiện thấy các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự trong Công ty có hành vi vi phạm pháp luật trong năm 2013.

- Công ty không có bất kỳ một vụ kiện, hoặc bị kiện hoặc liên đới đến vụ kiện nào trong năm 2013.

- Năm 2013 Thanh tra thuế đã tiến hành quyết toán thuế của Công ty từ năm 2007 đến hết năm 2011, chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2013.

5. Kết luận

Những kiến nghị của BKS như sau:

5.1 Đề nghị Công ty chi trả đầy đủ cổ tức của cho các cổ đông, đề nghị Hội đồng quản trị chủ động đưa ra đề xuất thời hạn chi trả cổ tức cụ thể, trình ĐHĐCĐ quyết định.

5.2 Đề nghị sửa đổi bổ sung quy trình bán hàng, tránh để việc thiếu sót trong quy trình bán hàng gây ra nợ xấu.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2013. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban

Mai Hữu Đạt

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai sửa đổi ngày 04/05/2013
- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐQT ngày 11/4/2014

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua các nội dung sau đây:

I. Kết quả hoạt động SXKD và Phân phối lợi nhuận năm 2013

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	389,685,108,417
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	387.020.885.435
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	57.194.705.216
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Đồng	13.798.310.173
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	14.011.164.077
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	11.722.681.857
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	3.426

2. Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2013

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	Đồng	3.221.658.099
2	Quỹ dự trữ tài chính (5%)	Đồng	586.134.093
3	Quỹ khen thưởng (10%)	Đồng	1.172.268.186
4	Thù lao HĐQT & BKS (5%)	Đồng	586.134.093
5	Cổ tức 2013 (16% vốn điều lệ)	Đồng	5.484.219.200
6	Thưởng 5% cho Ban Điều hành hoàn thành kế hoạch	Đồng	500.000.000

7	Thưởng 10% cho phần chênh lệch lợi nhuận vượt so với kế hoạch	Đồng	172.268.186
---	---	------	-------------

II. Phương án sản xuất kinh doanh năm 2014

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013	Tỉ lệ %
A	B	C	1	2	3=1/2
I	Doanh thu	Tỷ đồng	628	389	161,4
II	Sản phẩm chủ yếu	Tấn	15.346	7.885	194,5
	1. Ống nhựa các loại	Tấn	6.614	4.318	153,2
	2. Bao bì	Tấn	8.732	3.567	244,8
	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	5,0	4,8	104,1
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	13.775	11.722	117,5
	Trong đó:				
	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	Tr. đồng	5.535	3.221	171,8
	Quỹ dự trữ tài chính (5%)	Tr. đồng	689	586	117,5
	Quỹ khen thưởng (10%)	Tr. đồng	1.378	1.172	117,5
	Thù lao HĐQT và BKS (5%)	Tr. đồng	689	586	117,5
	Cổ tức (16%)	Tr. đồng	5.484	5.484	100%

III. Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2013

Căn cứ vào doanh thu và lợi nhuận dự kiến năm 2014. Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát đề xuất mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2013 là 5% lợi nhuận sau thuế.

IV. Ủy Quyền cho Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty Kiểm Toán

Căn cứ vào quy định về việc đơn vị kiểm toán tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Hội Đồng Quản Trị xin kính trình đại hội chấp thuận ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị lựa chọn Công ty TNHH Tư vấn Thuế Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Lưu Thụy

Đồng Nai, ngày 11 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

V/v: **Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Điều lệ Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 4/5/2013

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) với nội dung cụ thể như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần.
- Vốn điều lệ hiện hành: 34.276.370.000 (Ba mươi tư tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi ngàn) đồng.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 3.362.363 (Ba triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn, ba trăm sáu mươi ba) cổ phần, trong đó:
 - o 137.105 cổ phần dùng để trả cổ tức 4% năm 2012.
 - o 548.422 cổ phần dùng để trả cổ tức 16% năm 2013.
 - o 2.676.836 cổ phần dùng để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tổng giá trị phát hành: 33.623.630.000 (Ba mươi ba tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi ngàn) đồng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt ngày phát hành cổ phiếu.
- Tỷ lệ phát hành: 100:98 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 98 cổ phiếu mới).
- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể là từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.
- Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện, chậm nhất đến Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo phải thực hiện xong đợt phát hành.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):
 - o Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
 - o Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 110 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ 100:98, Cổ đông A sẽ được thêm số cổ phần mới là $110 \times 98 / 100 = 107,8$ cổ phần. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0.8 cổ phần sẽ được hủy bỏ. Như vậy cổ đông A sẽ nhận được 107 cổ phần.

- Quyền nhận cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hà Nội ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Ủy quyền: Trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - o Lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án trên.
 - o Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

II. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2014):

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 210.000 (Hai trăm mười ngàn) cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 2.100.000.000 (Hai tỷ một trăm triệu) đồng
- Đối tượng phát hành: Cán bộ công nhân viên Công ty
- Giá phát hành: 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần
- Nguồn vốn: Do Cán bộ công nhân viên đóng tiền.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành cho người lao động trong Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trong Quy chế - Chính sách Chương trình ESOP 2014 được Hội đồng quản trị ban hành.
- Thời gian và tỷ lệ chuyển nhượng:
 - o Hết năm thứ nhất (12 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2014): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 30% trên tổng số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao.
 - o Hết năm thứ hai (24 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2014): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 30% trên tổng số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao.
 - o Hết năm thứ ba (36 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2014): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng là 40% số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao còn lại.
- Quy định thu hồi:
 - o Nếu cán bộ quản lý nghỉ việc, số lượng cổ phiếu còn bị hạn chế chuyển nhượng sẽ được Công ty thu hồi lại để bổ sung vào cổ phiếu quỹ và số cổ phần này sẽ được tự do chuyển nhượng ngay sau khi được Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam chấp thuận chuyển quyền sở hữu. Việc xử lý các trường hợp khác sẽ được áp dụng theo quy định của Quy chế - Chính sách đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
 - o Thời gian dự kiến thực hiện: Sẽ được thực hiện sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện.
- Lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2014) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành.
- Ủy quyền: Trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT:

- Ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định danh sách cán bộ quản lý Công ty được mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được mua của từng cán bộ quản lý.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

III. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và toàn bộ số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2014) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ủy quyền cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước sau khi hoàn tất các đợt phát hành.
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành.

**Chủ tịch HĐQT
(Đã ký, đóng dấu)
Nguyễn Lưu Thụy**